TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2017/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 06 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Anh Trần Thị B và anh Nguyễn Đức T nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị B và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 28/10/2004 và cháu Nguyễn Thị U, sinh ngày 09/4/2008. Giao cháu Nguyễn Đức N và cháu Nguyễn Thị U cho chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu N và cháu U đến tuổi trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B do chị B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Chị B và anh T xác nhận không có tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

d. Về nợ chung vợ chồng: Chị B và anh T không vay nợ ai và cũng không cho ai vay mượn tài sản.

đ. Về án phí: Chị Trần Thị B nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/04668 ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã T;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hà